

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lữ Thị Kim D, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng B, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D có mặt; anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/02/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lữ Thị Kim D trình bày:*

Chị và anh Phạm Hoàng B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 23/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được

một thời gian và có 01 con chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh B ngoại tình. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình can thiệp, hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay chị và anh B đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau và không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hoàng B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Phạm Hoàng Diệu K, sinh ngày 14/01/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 27/02/2023 chị D yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Hoàng B nhưng anh B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lữ Thị Kim D. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Kim D được ly hôn anh Phạm Hoàng B; về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Diệu K, sinh ngày 14/01/2022 cho chị D trực tiếp nuôi; chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con nên không xem xét. Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lữ Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hoàng B và yêu cầu giao con chung của chị và anh B cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Lữ Thị Kim D khởi kiện thì bị đơn anh Phạm Hoàng B có nơi cư trú tại Tổ dân phố A, phường P, thị

xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phạm Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lữ Thị Kim D và anh Phạm Hoàng B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23/3/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lữ Thị Kim D và anh Phạm Hoàng B là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lữ Thị Kim D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên chị Lữ Thị Kim D đoàn tụ với anh Phạm Hoàng B, nhưng chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện nay chị và anh B đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 10/3/2023, Hội Liên hiệp Phụ nữ phường P, thị xã Đ cũng xác định vợ chồng chị D, anh B có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Đối với anh Phạm Hoàng B, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh B từ chối nhận, anh B biết chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh Phạm Hoàng B không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh Phạm Hoàng B và chị Lữ Thị Kim D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Lữ Thị Kim D có căn cứ xác định: Chị Lữ Thị Kim D và anh Phạm Hoàng B có 01 con chung là Phạm Hoàng Diệu K, sinh ngày 14/01/2022. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Lữ Thị Kim D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay con chung của chị D và anh B là cháu Phạm Hoàng Diệu K chưa đủ 36 tháng tuổi và đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Hoàng B cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt cho cháu Khuê, căn cứ

khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị D, giao cháu Phạm Hoàng Diệu K cho chị Lữ Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tại bản tự khai ngày 27/02/2023 chị D yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị D trình bày không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Xét thấy, chị Lữ Thị Kim D là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lữ Thị Kim D trình bày không có; anh Phạm Hoàng B không có văn bản trình bày về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lữ Thị Kim D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị D đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị D phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Kim D được ly hôn anh Phạm Hoàng B.

2. Về con chung: Chị Lữ Thị Kim D và anh Phạm Hoàng B có 01 con chung là Phạm Hoàng Diệu K, sinh ngày 14/01/2022. Giao con chung Phạm Hoàng Diệu K cho chị Lữ Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Phạm Hoàng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Lữ Thị Kim D là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lữ Thị Kim D trình bày không có; anh Phạm Hoàng B không có văn bản trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lữ Thị Kim D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005502 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị D phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Phong**